

Số: 603 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Phê duyệt
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 45/TTr-STP ngày 18/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp như sau:

1. Công bố 40 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp: Trong đó cấp tỉnh 02 thủ tục hành chính, cấp huyện 17 thủ tục hành chính, cấp xã 21 thủ tục hành chính.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Phê duyệt 40 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp: Trong đó cấp tỉnh 02 quy trình, cấp huyện 17 quy trình, cấp xã 21 quy trình.

(Có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2618/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr(40b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC
Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. CẤP TỈNH: 02 thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận thông tin hộ tịch	2,5 ngày; trường hợp kéo dài không quá 7,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La (Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà 7 tầng, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La - Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La)	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ Bưu chính công ích	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La (Địa chỉ: Tầng 1, Tòa	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ Bru chính công ích	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quả trong ngày làm việc tiếp theo	nhà 7 tầng, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La - Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La)		có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.

II. CẤP HUYỆN: 17 thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận thông tin hộ tịch	2,5 ngày; trường hợp kéo dài không quá 7,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	35.000 đồng (khai sinh đúng hạn); 75.000 đồng (khai sinh quá hạn). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích;	750.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					nghèo; người khuyết tật.	một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Trong ngày; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	- 35.000 đồng (khai tử đúng hạn); 75.000 đồng (khai tử quá hạn). - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	1.500.000đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp	35.000 đồng (khai sinh đúng hạn); 75.000 đồng (khai sinh quá hạn); 1.500.000 đồng (Đăng ký nhận cha, mẹ con). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Son La.
7	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	04 ngày làm việc đối với giám hộ cử; 2,5 ngày làm việc đối với giám hộ đương nhiên	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn ; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	1,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; Trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn ; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
9	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ	Trong ngày làm việc đổi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		28.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tịch, xác định lại dân tộc	với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 2,5 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc; trường	UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 4,5 ngày làm việc.				BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	09 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
11	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của	09 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; Trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nước ngoài					Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	04 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 19 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	04 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 19 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - <i>Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	04 ngày làm việc; trường hợp phải có văn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	1.500.000 đồng Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 19 ngày	phố		với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	75.000 đồng Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, Thành phố	Trực tiếp; Trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	8.000 đồng Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		việc tiếp theo				- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.

III. CẤP XÃ: 21 thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai sinh	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	- Miễn phí (khai sinh đúng hạn); 8.000 đồng (khai sinh quá hạn). - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
2	Đăng ký kết hôn	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; trường	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc.				CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	2,5 ngày làm việc; trường	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc	15.000 đồng. Miễn lệ phí cho người	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc	UBND cấp xã	Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phổ trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
4	Đăng ký khai sinh nhận cha, mẹ, con	2,5 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp	- Miễn phí (đăng ký khai sinh đúng hạn); 8.000 đồng (đăng ký khai sinh quá hạn); 15.000 đồng (nhận cha, mẹ, con nuôi). - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hộ nghèo; người khuyết tật	<i>một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
5	Đăng ký khai tử	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; Trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Miễn phí (đăng ký khai tử đúng hạn); 8.000 đồng (đăng ký khai tử quá hạn).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo			Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
6	Đăng ký khai sinh lưu động	04 ngày làm việc	Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động	Nộp trực tiếp	Miễn phí (đăng ký khai sinh đúng hạn); 8.000 đồng (đăng ký khai sinh quá hạn). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
7	Đăng ký kết hôn lưu động	04 ngày làm việc	Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động	Nộp trực tiếp	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
8	Đăng ký khai tử lưu động	04 ngày làm việc	Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động	Nộp trực tiếp	Miễn phí (đăng ký khai tử đúng hạn); 8.000 đồng (đăng ký khai tử quá hạn). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					tật	<i>hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến (tại Cổng Dịchvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Miễn lệ phí (đăng ký khai sinh đúng hạn); 8.000 đồng (đăng ký khai sinh quá hạn). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc tiếp theo			có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	2,5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
11	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	5,5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 09 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	15.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu	Trong ngày; trường hợp nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ	Miễn phí (đăng ký khai tử đúng hạn) 8.000 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	vực biên giới	hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc	UBND cấp xã	bưu chính công ích	(đăng ký khai tử quá hạn). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
13	Đăng ký giám hộ	2,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Miễn phí	- Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Miễn lệ phí	- Luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
15	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	2,5 ngày làm việc đối với	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn ; Dịch vụ	15.000 đồng. Miễn lệ phí cho người	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4,5 ngày làm việc. Trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch; trường hợp nhận hồ sơ; sau 15 giờ mà không giải	UBND cấp xã	bưu chính công ích	thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo				- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
16	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	2,5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 18 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	15.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
17	Đăng ký lại khai sinh	04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	8.000 đồng Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		20 ngày			người khuyết tật	CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Son La.
18	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - <i>Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
19	Đăng ký lại kết hôn	04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	30.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày			có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
20	Đăng ký lại khai tử	04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7,5 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	8.000 đồng. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.
21	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp trực tiếp; trực tuyến tại Cổng Dichvucong.sonla.gov.vn hoặc Dichvucong.gov.vn; Dịch vụ bưu chính công ích	8.000 đồng Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		việc tiếp theo				123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La.

Phụ lục II

**Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của sở Tư pháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. CẤP TỈNH: 02 quy trình**1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch**

Thời gian thực hiện: 2,5 ngày; trường hợp phải xác minh thời gian thực hiện 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp cần xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ	0,25	0,25
B2	Sở Tư pháp	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,25	0,25
		Chuyên viên Sở Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	0,5	4,5
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến thẩm định	0,5	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp cần xác minh (ngày)
B3	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Ý kiến phê duyệt	0,5	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Tư pháp	Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch	0,25	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch	0,25	0,25
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	7,5 ngày

2. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

Thời gian thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ	01
B2	Sở Tư pháp	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến phân nhiệm vụ	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
		Chuyên viên Sở Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến thẩm định	02
B3	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Tư pháp	Bản sao trích lục hộ tịch	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Bản sao trích lục hộ tịch	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

II. CẤP HUYỆN: 17 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính

1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch

Thời gian đang thực hiện: 2,5 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 7,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp cần xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,25	0,25
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,25	0,25
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	0,5	4,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,5	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch	0,25	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch	0,25	0,25
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	07 ngày

2. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	01
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp Trưởng phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

3. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 12 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp Trưởng phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	4,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	03
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Giấy chứng nhận kết hôn (02 bản)	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận kết hôn (02 bản)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

4. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp cần xác minh thì không quá 2,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện (giờ)	Thời gian thực hiện trong trường hợp cần xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	01	0,25
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01	0,25
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02	0,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02	0,5
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01	0,5
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục khai tử (<i>bản chính</i>)	0,5	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục khai tử (<i>bản chính</i>)	0,5	0,25
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ	2,5 ngày

5. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài**Thời gian đang thực hiện:** 12 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	4,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	03
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (<i>bản chính</i>)	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (<i>bản chính</i>)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

6. Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 12 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	4,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	03
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (<i>bản chính</i>)	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (<i>bản chính</i>)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				12 ngày

7. Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc đối với giám hộ cử; 2,5 ngày làm việc đối với giám hộ đương nhiên.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện đối với giám hộ cử (ngày)	Thời gian thực hiện đối với giám hộ đương nhiên (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5	0,25
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,5	0,25
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	01
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5	0,25
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,5	0,25
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính)	0,5	0,25
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính)	0,5	0,25
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	2,5 ngày

8. Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài**Thời gian đang thực hiện:** 1,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,25
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,25
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	0,25
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,25
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,25
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính)	0,125
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính)	0,125
Tổng thời gian thực hiện:				1,5 ngày

9. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

9.1. Bổ sung thông tin hộ tịch

Thời gian đang thực hiện: trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	01
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục thay đổi	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục thay đổi	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

9.2. Thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc

Thời gian đang thực hiện: 2,5 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện đối với giám hộ cử (ngày)	Thời gian thực hiện đối với giám hộ đương nhiên (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,25	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,25	0,5
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	01
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,25	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,25	0,5
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc (bản chính)	0,25	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc (bản chính)	0,25	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	4,5 ngày

10. Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 09 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	3,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục ghi chú kết hôn (<i>bản chính</i>)	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục ghi chú kết hôn (<i>bản chính</i>)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				09 ngày

11. Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 09 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	3,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục ghi chú lý hôn (<i>bản chính</i>)	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục ghi chú lý hôn (<i>bản chính</i>)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				09 ngày

12. Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (*khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch*).

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (giờ)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	01	0,25
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01	0,25
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02	0,75
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02	0,5
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01	0,25
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục ghi vào sổ Hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào sổ Hộ tịch các việc Hộ tịch khác (<i>bản chính</i>)	0,5	0,25

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (giờ)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục ghi vào sổ Hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào sổ Hộ tịch các việc Hộ tịch khác (bản chính)	0,5	0,25
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ	2,5 ngày

13. Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,5	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	7,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5	05
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,5	04
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				04 giờ	19 ngày

14. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,5	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	7,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5	05
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,5	04
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	19 ngày

15. Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 19 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,5	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	7,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5	05
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,5	04
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)	0,5	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	19 ngày

16. Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài**Trình tự thực hiện:** 04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	0,5	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	2,5
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5	1,5
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	0,5	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Trích lục khai tử (bản chính)	0,5	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Trích lục khai tử (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	7,5 ngày

17. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ	01
B2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến phân nhiệm vụ	01
		Chuyên viên phòng Tư pháp	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02
		Lãnh đạo phòng Tư pháp	Ý kiến thẩm định	02
B3	Lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên phòng Tư pháp	Bản sao trích lục hộ tịch	0,5
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Bản sao trích lục hộ tịch	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

III. CẤP XÃ: 22 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính

1. Đăng ký khai sinh

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy khai sinh (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

2. Đăng ký kết hôn

Trình tự thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (giờ)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01	0,5
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04	02
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02	01
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy kết hôn (bản chính)	01	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ	04 ngày

3. Đăng ký nhận cha, mẹ, con

Thời gian đang thực hiện: 2,5 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	03
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	06 ngày

4. Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con

Trình tự thực hiện: 2,5 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	03
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (<i>bản chính</i>)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	06 ngày

5. Đăng ký khai tử

Trình tự thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục khai tử (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

6. Đăng ký khai sinh lưu động

Trình tự thực hiện: 04 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Công chức được phân công đến thực hiện tại nhà riêng hoặc địa điểm đăng ký lưu động	Hồ sơ	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Trả kết quả	Công chức được phân công đến thực hiện tại nhà riêng hoặc địa điểm đăng ký lưu động	Giấy khai sinh (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày

7. Đăng ký kết hôn lưu động

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Công chức được phân công đến thực hiện tại nhà riêng hoặc địa điểm đăng ký lưu động	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B4	Trả kết quả	Công chức được phân công đến thực hiện tại nhà riêng hoặc địa điểm đăng ký lưu động	Giấy chứng nhận kết hôn (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày

8. Đăng ký khai tử lưu động

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Công chức được phân công đến thực hiện tại nhà riêng hoặc địa điểm đăng ký lưu động	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Trả kết quả	Công chức được phân công đến thực hiện tại nhà riêng hoặc địa điểm đăng ký lưu động	Trích lục khai tử (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày

9. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu sau 15 giờ mà không giải quyết được thì trả kết quả làm việc trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy khai sinh (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

10. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

Thời gian đang thực hiện: 2,5 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (<i>ngày</i>)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (<i>ngày</i>)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	0,5

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	03
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	06 ngày

11. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

Thời gian đang thực hiện: 5,5 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 09 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	0,5

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	03	05
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01	03
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				5,5 ngày	09 ngày

12. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

Thời gian đang thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (giờ)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01	0,5

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (giờ)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02	0,5
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục khai tử (bản chính)	01	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ	2,5 ngày

13. Đăng ký giám hộ

Thời gian đang thực hiện: 2,5 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính)	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày

14. Đăng ký chấm dứt giám hộ

Thời gian đang thực hiện: 02 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,25
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính)	0,25
Tổng thời gian thực hiện:				02 ngày

15. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch

15.1. Thay đổi, cải chính hộ tịch

Thời gian đang thực hiện: 2,5 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4,5 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	0,5
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	2,5
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5	01
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục thay đổi hộ tịch/Trích lục cải chính hộ tịch (<i>bản chính</i>)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	4,5 ngày

15.2. Bổ sung thông tin hộ tịch

Thời gian đang thực hiện: trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục bổ sung thông tin hộ tịch (<i>bản chính</i>)	01
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ

16. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Trình tự thực hiện: 2,5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 18 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (<i>ngày</i>)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (<i>ngày</i>)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	01	10
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	0,5	06
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	0,5	01
Tổng thời gian thực hiện:				2,5 ngày	18 ngày

17. Đăng ký lại khai sinh

Trình tự thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02	11
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01	07
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5	01
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	20 ngày

18. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02	11
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01	07
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy khai sinh (bản chính)	0,5	01
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	20 ngày

19. Đăng ký lại kết hôn

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02	11
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01	07
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)	0,5	01
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	20 ngày

20. Đăng ký lại khai tử

Thời gian đang thực hiện: 04 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 7,5 ngày.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	0,5	0,5

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Thời gian thực hiện trong ngày (ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp phải đi xác minh (ngày)
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	02	4,5
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Trích lục khai tử (bản chính)	0,5	0,5
Tổng thời gian thực hiện:				04 ngày	7,5 ngày

21. Cấp bản sao trích lục hộ tịch

Trình tự thực hiện: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ	01
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ)
B3	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Bản sao trích lục hồ tịch	01
Tổng thời gian thực hiện:				08 giờ